

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Duy Huy;

2. Ông Phạm Văn Bút.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 396/TB-TA ngày 21 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn ghi ngày 01 tháng 7 năm 2021, anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/11/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/12/2020, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Chị H và anh H kết hôn vào ngày 12/6/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị H và anh H có 01 người con chung tên là Nguyễn Hoàng Tô Q, sinh ngày 02/5/2017. Nếu ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cháu Q và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:*

Điều kiện kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh H và chị H đúng như chị H đã trình bày. Tại thời điểm đi đăng ký kết hôn anh H và chị H cùng đến Ủy ban nhân dân xã Q để đăng ký kết hôn và hai người đã thực hiện việc ký vào sổ đăng ký kết hôn, lúc này anh H bận việc đột xuất nên không ở lại Ủy ban nhân dân xã Q để ký vào giấy chứng nhận kết hôn dẫn đến trong giấy chứng nhận kết hôn số 12/2017 của UBND xã Q không có chữ ký của anh H. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị H có 01 người con chung đúng như chị H đã trình bày, anh H đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng Tô Q, sinh ngày 02/5/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17, Điều 18 Luật Hộ tịch năm 2014; Điều 32 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân

sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Tố Q, sinh ngày 02/5/2017 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Thanh H không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Thanh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thanh H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào ngày 05/6/2017 chị H, anh H thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Mặc dù trong giấy chứng nhận kết hôn số 12/2017 của UBND xã Q chỉ có chữ ký của chị H không có chữ ký của anh H, nhưng qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, qua làm việc UBND xã Q và anh H đều xác nhận khi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Q anh H tự nguyện có mặt tại nơi đăng ký kết hôn anh H đã ký kết hôn với chị H vào sổ Hộ tịch. Sau đó, vì bận việc đột xuất nên anh H chưa thực hiện việc ký vào giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Luật Hộ tịch năm 2014 thì trường hợp này là vi phạm về thủ tục đăng ký kết hôn trách nhiệm thuộc về UBND xã Q đã trao giấy chứng nhận kết hôn không có đủ chữ ký. Do không vi phạm điều kiện kết hôn theo Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Thanh H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh H đều thừa nhận cuộc sống chung của anh, chị có mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Chị H xác nhận hiện nay hai người đã sống ly thân từ năm 2018 không còn quan tâm đến nhau, điều đó chứng tỏ chị H và anh H đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị H yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Tố Q, sinh ngày 02/5/2017, anh H cũng đồng ý với yêu cầu của chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Q cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp; chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Thanh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17, Điều 18 Luật Hộ tịch năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Thanh H.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Tố Q, sinh ngày 02/5/2017 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Thanh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Thanh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền

số 0004896 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 29/7/2021, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Q,
huyện H, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy